|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT PHONG ĐIỀN **TRƯỜNG THCS ĐIỀN HẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  ***Điền Hải, ngày 01 tháng 04 năm 2018*** |

**BÀI VIẾT VỀ BDTX NĂM HỌC 2017 - 2018**

Căn cứ Kế hoạch số 2038/KH-SGDĐT-GDCN&TX ngày 24/8/2017 của Sở GD&ĐT về việc Bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên năm học 2017-2018; Kế hoạch số 57/KH-PGDĐT ngày 12/9/2017 của Phòng GD&ĐT về việc Kế hoạch BDTX cán bộ quản lý, giáo viên MN, TH và THCS năm học 2017-2018, kế hoạch BDTX của CBQL, giáo viên năm học 2017-2018 của Trường THCS Điền Hải

**Cá nhân báo cáo: Nội dung bồi dưỡng 3: (60 tiết)**

**THCS 34**: Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THCS.

- Thời lượng: 15 tiết.

- Thời gian học tập: Từ 05/12/2017 đến 10/01/2018.

- Thời gian tổ chức báo cáo kết quả: Trước ngày 15/01/2018.

- Thời gian tổ chức báo cáo kết quả cá nhân: 12/01/2018

**THCS 35**: Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THCS.

- Thời lượng: 15 tiết.

- Thời gian học tập: Từ 15/01/2018 đến 05/02/2018.

- Thời gian tổ chức báo cáo kết quả: Trước ngày 10/02/2018.

- Thời gian tổ chức báo cáo kết quả cá nhân: 09/2/2018

**THCS 36**: Giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS.

- Thời lượng: 15 tiết.

- Thời gian học tập: Từ 10/02/2018 đến 15/3/2018.

- Thời gian tổ chức báo cáo kết quả: Trước ngày 20/3/2018.

- Thời gian tổ chức báo cáo kết quả cá nhân: 17/3/2018

**THCS 37**: Giáo dục vì sự phát triển bền vững ở trường THCS.

- Thời lượng: 15 tiết.

- Thời gian học tập: Từ 20/3/2018 đến 05/4/2018.

- Thời gian tổ chức báo cáo kết quả: Trước ngày 10/4/2018.

- Thời gian tổ chức báo cáo kết quả cá nhân: 06/4/2018

**A.THÔNG TIN CÁ NHÂN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Họ và tên: Trương Văn Lợi.  2. Ngày, tháng, năm sinh: 20/05/1978  3. Trình độ chuyên môn: ĐHSP Thể dục  4. Tổ chuyên môn: A-TD-N-H - GDCD.  5. Chức vụ: Giáo viên. | Giới tính: Nam.  Năm vào ngành giáo dục: 2003. Môn dạy: Thể dục  Trình độ tin học: A.  Trình độ ngoại ngữ: B Anh văn |

**B. NỘI DUNG:**

**THCS 34:** Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THCS

**I. Cơ sở lí luận**

**1. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là gì?**

-Hoạt động GDNGLL là hoạt động cơ bản được thực hiện một cách có mục đích,  
có kế hoạch, có tổ chức nhằm thực thi quá trình đào tạo nhân cách học sinh, đáp ứng những nhu cầu đa dạng của đời sống xã hội.

-Hoạt động GDNGLL là những hoạt động tổ chức ngoài giờ của các môn học ở  
trên lớp, là sự tiếp nối hoạt động dạy học trên lớp, là con đường gắn lí thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động của HS.

**2. Mục tiêu của hoạt động GDNGLL**

+ Hoạt động GDNGLL ở trường THCS nhằm củng cố và khắc sâu những kiến  
thức của các môn học; mở rộng và nâng cao hiểu biết cho HS về các lĩnh vực đời  
sống, làm phong phú thêm vốn tri thức, kinh nghiệm hoạt động tập thể của HS.   
+ Hoạt động GDNGLL còn rèn cho học sinh kỹ năng cơ bản phù hợp với  
lứa tuổi HS như: Kỹ năng giao tiếp ứng xử có văn hoá; kỹ năng tổ chức quản lý và tham gia các hoạt động tập thể với tư cách là chủ thể hoạt động; kỹ năng tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện củng cố, phát triển các hành vi, thói quen tốt trong học tập, lao động và công tác xã hội.

+ Bồi dưỡng thái độ tự giác tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã  
hội; Hình thành tình cảm chân thành, niềm tin trong sáng với cuộc sống, với quê hương đất nước; có thái độ đúng đắn đối với các hoạt động tự nhiên và xã hội.  
**3. Vị trí, vai trò của hoạt động GDNGLL**

***3.1. Vị trí của hoạt động GDNGLL***

Hoạt động GDNGLL có vị trí then chốt trong quá trình giáo dục góp phần  
điều chỉnh và định hướng quá trình giáo dục đạt hiệu quả. Họat động GDNGLL là  
cầu nối tạo ra mối quan hệ hai chiều giữa nhà trường và xã hội. Dưới góc độ chỉ đạo vị trí của hoạt động GDNGLL cũng đã khẳng định là một trong ba kế hoạch đàotạo, đó là: Giờ lên lớp - Hoạt động ngoài giờ - Hướng nghiệp dạy nghề.

***3.2. Vai trò của hoạt động GDNGLL***

+ Hoạt động GDNGLL có vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục, đặc biệt  
là giáo dục đạo đức cho học sinh, đồng thời góp phần tích cực trong việc củng cố kết quả dạy học trên lớp.

+ Hoạt động GDNGLL thực chất là sự tiếp nối hoạt động dạy học do đó nó là  
nhân tố tạo nên sự cân đối, hài hoà của quá trình sư phạm toàn diện, thống nhất nhằm thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của cấp học.

+ Hoạt động GDNGLL vừa củng cố vừa phát triển quan hệ giao tiếp của học  
sinh trong nhà trường và trong cộng đồng xã hội, đồng thời đây cũng là một sân chơi đặc biệt đối với mỗi học sinh trong nhà trường.

+ Thông qua mỗi hoạt động, hoạt động GDNGLL nếu được tổ chức và chuẩn bị  
tốt sẽ thu hút và phát huy được tiềm năng của các lực lượng giáo dục xã hội và gia đình một cách mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh.

+ Hoạt động GDNGLL thực chất là việc tổ chức giáo dục thông qua những  
hoạt động thực tiễn của học sinh về mọi mặt qua đó giúp các em hình thành và phát triển nhân cách theo những định hướng giáo dục đã được xác định.

**4. Nhiệm vụ của hoạt động GDNGLL**

***4.1. Nhiệm vụ giáo dục về nhận thức:***

+ Bổ sung, củng cố và hoàn thiện những tri thức đã được học trên lớp,  
ngoài ra còn giúp cho học sinh có những hiểu biết mới về thế giới xung quanh, cộng đồng xã hội.

+ Giúp học sinh biết vận dụng những tri thức đã học để giải quyết  
những vấn đề do đời sống đặt ra.

+ Giúp học sinh có hướng nhận thức, biết tự điều chỉnh hành vi, đạo đức,  
lối sống và qua đó càng làm giàu kinh nghiệm sống cho các em.

+ Giúp học sinh những hiểu biết nhất định về truyền thống văn hoá, đấu  
tranh cách mạng của quê hương, đất nước, tăng thêm hiểu biết về Bác Hồ, về Đảng,...  
+ Giúp học sinh có những hiểu biết tối thiểu về các vấn đề có tính thời  
đại như chiến tranh, hoà bình, hữu nghị, môi trường, dân số, pháp luật.

***4.2. Nhiệm vụ giáo dục về thái độ:***

+ Hoạt động GDNGLL phải tạo cho học sinh sự hứng thú và ham muốn  
hoạt động. Vì vậy nó đòi hỏi nội dung, hình thức và qui mô hoạt động phải phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi và nhu cầu các em.

+ Hoạt động GDNGLL từng bước hình thành cho học sinh niềm tin vào  
những giá trị mà các em phải vươn tới, đó là niềm tin vào chế độ XHCN đang đổi mới mà Bác Hồ và Đảng ta đã lựa chọn, tin vào tiền đồ của tương lai đất nước. Từ đó các em có lòng tự hào dân tộc, mong muốn làm đẹp thêm truyền thống của trường lớp của quê hương mình, mong muốn vươn lên thành con ngoan trò giỏi, đội viên tích cực để trở thành công dân có ích cho xã hội mai sau.

+ Bồi dưỡng cho học sinh tình cảm đạo đức trong sáng, qua đó giúp các  
em biết kính yêu và trân trọng cái tốt, cái đẹp, biết phân biệt những cái xấu, cái tốt, cái lỗi thời không phù hợp trong cuộc sống.

+ Bồi dưỡng, xây dựng cho học sinh lối sống và nếp sống phù hợp với  
chuẩn mực đạo đức, pháp luật, truyền thống tốt đẹp của địa phơng và đất nước.   
+ Bồi dưỡng học sinh tính tích cực, tính năng động, sẵn sàng tham gia  
những hoạt động xã hội, hoạt động tập thể của trường, của lớp vì lợi ích chung, vì sự trưởng thành của bản thân.

+ Họat động GDNGLL còn góp phần giáo dục cho học sinh tình đoàn  
kết hữu nghị với thiếu nhi quốc tế và các dân tộc khác trên thế giới.

***4.3. Nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng:***

+ Hoạt động GDNGLL rèn luyện cho học sinh những kỹ năng giao  
tiếp, ứng xử có văn hoá, những thói quen tốt trong học tập, trong lao động và trong hoạt động khác.

+ Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng tự quản, trong đó kỹ năng   
tổ chức, điều khiển và thực hiện một hoạt động tập thể có hiệu quả, kỹ năng nhận  
xét đánh giá kết quả hoạt động. Rèn luyện cho học sinh kỹ năng giáo dục, tự điều  
chỉnh, hoà nhập để thực hiện tốt những nhiệm vụ do thầy giáo, cô giáo, do nhà trường, tập thể lớp giao cho.

**5 - Nội dung chương trình hoạt động GDNGLL**

Nội dung của hoạt động GDNGLL có liên quan đến nội dung của các môn  
học, các lĩnh vực giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mĩ, giáo dục lao động, giáo dục  
thể chất, giáo dục pháp luật, giáo dục trật tự an toàn giao thông, giáo dục dân số,  
giáo dục môi trường.

Nội dung của hoạt động GDNGLL thể hiện ở 6 loại hình hoạt động sau  
đây:  
*+ Hoạt động xã hội- chính trị*

Đó là những hoạt động có liên quan đến những dịp kỷ niệm các ngày lễ  
lớn, các sự kiện chính trị, xã hội trong nước và quốc tế đang được quan tâm; các hoạt động tìm hiểu truyền thống tốt đẹp của nhà trường, địa phương, dân tộc; các hoạt động nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hoạt động từ thiện.

*+ Hoạt động văn hoá, nghệ thuật*

Nội dung của hoạt động văn hoá, nghệ thuật hướng vào việc giáo dục cho  
học sinh có được những hiểu biết, những tình cảm chân thành với con người, với Tổ quốc,với thiên nhiên và với cả chính bản thân mình. Nội dung cuả hoạt động văn hoá, nghệ thuật thể hiện tới nhiều hình thức khác nhau nhau: sinh hoạt văn nghệ, các cuộc thi, tổ chức đi xem phim, xem biểu diễn văn nghệ, các cuộc tham quan du lịch hay cắm trại, các câu lạc bộ chuyên đề phù hợp với lứa tuổi.

*+ Hoạt động thể dục, thể thao*

Hoạt động TDTT sẽ giúp học sinh có điều kiện để rèn luyện thể lực, tăng  
cường sức khoẻ, hình thành nhiều phẩm chất tốt.

Hoạt động TDTT diễn ra tới nhiều hình thức như: thể dục giữa giờ chống  
mệt mỏi; các hình thức nghỉ ngơi tích cực (thể dục nhịp điệu, đá cầu, nhảy dây, các trò chơi tập thể); hoạt động của các đội bóng đá mi ni, cờ vua, điền kinh, hoạt  
động thể dục thể thao trong ngày hội vui khoẻ, ngày hội thể thao toàn trường.

*+ Hoạt động theo hứng thú khoa học, kỹ thuật*

Nội dung của các loại hình này nhằm đáp ứng những hứng thú và niềm say  
mê tìm tòi cái mới trong học tập, ứng dụng kiến thức của học sinh vào thực tế. Đó là các hoạt động của câu lạc bộ theo chuyên đề; sưu tầm tìm hiểu về xã hội, khoa học, về các hiện tượng của tự nhiên, về các danh nhân, các nhà bác học, những tấm gương ham học, về các ngành nghề trong xã hội; tham quan cơ sở sản xuất, ...  
*+ Hoạt động lao động công ích*

Là những hoạt động trong đó học sinh tham gia giữ gìn và bảo vệ môi tr-  
ờng cảnh quan của nhà trờng, của địa phơng bằng những việc làm hữu ích, thiết  
thực, phù hợp với khả năng và hứng thú của các em.

*+ Hoạt động vui chơi giải trí*

Vui chơi giải trí là hoạt động giúp HS thư giãn sau những giờ học miệt mài,  
căng thẳng mệt mỏi ở các em. Vui chơi giải trí có nhiều hình thức như: thi đố vui, thi đấu thể thao, thi ứng xử, các trò chơi,...

**6. Những con đường chủ yếu để thực hiện GDNGLL**

***6.1.Tiết sinh hoạt dưới cờ đầu tuần***

Tiết sinh hoạt dưới cờ đầu tuần là một dạng hoạt động giáo dục NGLL có tính chất tổng hợp, nhằm giáo dục cho học sinh lòng yêu quê hương đất nước; khắc sâu ý thức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân; xác định được trách nhiệm của mình là học tập vì Tổ quốc; định hướng những yêu cầu trọng tâm của nhà trường trong từng thời điểm, gây nên khí thế mới thúc đẩy học sinh say mê rèn luyện; giữ mối liên hệ giữa các tập thể lớp, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, khắc phục xu hướng hẹp hòi, cục bộ trong đời sống tập thể hàng ngày ở nhà trường.

***6.2. Tiết sinh hoạt lớp cuối tuần***

Tiết sinh hoạt cuối tuần là một dạng hoạt động GDNGLL, là một hình thức  
tổ chức giáo dục tự quản cho HS và là một trong những biện pháp cơ bản góp phần xây dựng tập thể học sinh đoàn kết.

Đây cũng là dịp để học sinh làm quen với nhiều loại hình hoạt động khác nhau, giúp các em phát triển các kĩ năng cơ bản và cần thiết của người học sinh THCS.

Tiết sinh hoạt cuối tuần do học sinh cùng nhau tự tổ chức dưới sự giúp đỡ, cố vấn của giáo chủ nhiệm.

**7. Qui trình tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp**

***7.1. Một số nguyên tắc cần chú ý***

+ Tạo cho học sinh quen dần và biết tự quản toàn bộ quá trình hoạt  
động. Các nhà giáo dục chỉ giữ vai trò cố vấn.

+ Nội dung hoạt động phải luôn gắn với các yêu cầu giáo dục nhà trường, xã hội ở từng thời điểm cụ thể.

+ Luôn luôn đổi mới và đa dạng các hình thức hoạt động phù hợp với  
nhu cầu và hứng thú của học sinh ở lứa tuổi thiếu niên.

Riêng đối với tiết sinh hoạt lớp, các nhà quản lí nên chỉ đạo theo một kế  
hoạch thống nhất trong các tuần, trong một tháng.

***7.2. Qui trình tổ chức hoạt động: Gồm 4 bước sau***

Bước 1: Lựa chọn đặt tên chủ đề hoạt động và xác định yêu cầu giáo dục  
cần phải đạt được (Yêu cầu giáo dục về nhận thức, giáo dục về thái độ, giáo dục về kỹ năng)

Bước 2: Chuẩn bị cho hoạt động.

- Vạch kế hoạch, thời gian chuẩn bị, thời gian tiến hành hoạt động

- Thiết kế về nội dung và hình thức hoạt động, hình thức trang trí,  
những phương tiện vật chất, chương trình văn nghệ

- Dự kiến công việc phải chuẩn bị, phân công công việc cho lực lượng  
tham gia.

- Đôn đốc kiểm tra sự chuẩn bị .

Bước 3: Tiến hành và kết thúc hoạt động

Bước 4: Tổ chức rút kinh nghiệm và đánh giá kết quả hoạt động.

**II. Một số phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp**

Phương pháp tổ chức HĐGD NGLL ở trường THCS rất đa dạng và phong phú. ở đây có sự phối hợp phương pháp giáo dục với phương pháp dạy học, trên cơ sở đó giáo viên vận dụng cho phù hợp với nội dung và hình thức hoạt động đã lựa chọn, có một số phương pháp cơ bản sau:

**1. Phương pháp thảo luận nhóm**

Thảo luận là 1 dạng hoạt động mà trong đó các thành viên đều giải quyết 1 vấn đề cùng quan tâm nhằm đạt tới 1 sự hiểu biết chung. Thảo luận giúp học sinh kiểm chứng ý kiến của mình, có cơ hội để làm quen với nhau để hiểu nhau hơn. Khác với dạy học, thảo luận trong HĐGD NGLL là dựa vào trao đổi ý kiến giữa các em học sinh với nhau về một chủ đề, một tình huống nảy sinh trong hoạt động hay một nhiệm vụ được giao. Tùy từng hoạt động cụ thể, có thể tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm lớn (cả lớp), nhóm nhỏ (tổ hoặc nhỏ hơn)

**2. Phương pháp đóng vai**

Phương pháp đóng vai được sử dụng nhiều để đạt được mục tiêu thay đổi thái độ của học sinh đối với 1 vấn đề hay đối tượng nào đó. Phương pháp đóng vai cũng rất có tác dụng trong việc rèn luyện kĩ năng giao tiếp ứng sử của học sinh, đóng vai là phương pháp giúp học sinh thực hành những cách ứng xử bày tỏ thái độ trong tình huống giả định hoặc trên cơ sở sáng tạo và óc tưởng tượng của các em, đóng vai thường không có kịch bản cho trước, mà học sinh tự xây dựng trong quá trình hoạt động

**3. Phương pháp giải quyết vấn đề**

Phương pháp giải quyết vấn đề là con đường quan trọng để phát huy tính tích cực của học sinh. Vấn đề là những câu hỏi hay nhiệm vụ đặt ra mà việc giải quyết chúng chưa có quy luật sẵn cũng như những tri thức, kĩ năng sẵn có chưa đủ giải quyết mà còn khó khăn, cản trở cần vượt qua. Tình huống có vấn đề xuất hiện khi một cá nhân (hoặc nhóm) đứng trước một mục đích muốn đạt tới, khi biết một nhiệm vụ cần giải quyết nhưng chưa biết cách nào, chưa đủ phương tiện (tri thức, kĩ năng…) để giải quyết. Giải quyết vấn đề thường được vận dụng khi học sinh phải phân tích, xem xét và đề xuất những giải pháp trước một hiện tượng, sự việc này sinh trong hoạt động.

**4. Phương pháp giải quyết tình huống**

Có thể nói phương pháp giải quyết tình huống là phương pháp điển hình của phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp sắm vai và ngay cả phương pháp trò chơi. Ở đây học sinh được đặt mình vào trong các tình huống có vấn đề gắn với thực tiễn, đòi hỏi phải có những hành động cụ thể đưa ra phương án giải quyết. Do vậy trong các HĐGD NGLL, có thể có các tình huống thực tế nảy sinh cần được sử lí kịp thời (như học sinh thảo luận lạc đề, vấn đề đặt ra không phù hợp với thưc tiễn …) hoặc có những tình huống có vấn đề được tạo ra (như tình huống tiểu phẩm để sắm vai, các trò chơi…) nhằm giúp học sinh có cơ hội rèn luyện các kĩ năng tìm ra phương án giải quyết các tình huống.

Vận dụng phương pháp sử lý tình huống trong các HĐGD NGLL là rất cần thiết và quan trọng làm phong phú them tính hấp dẫn của các hoạt động và mang lại hiệu quả cao cho các hoạt động.

**5. Phương pháp giao nhiệm vụ**

Đây là phương pháp thường được dùng trong nhóm các phương pháp giáo dục. Giao nhiệm vụ là đặt học sinh vào vị trí nhất định các em phải thực hiện trách nhiệm cá nhân. Giao nhiệm vụ cũng là tạo cơ hội để học sinh thể hiện khả năng của mình, là dịp để các em được rèn luyện nhằm tích lũy kinh nghiệm cho bản than.

Trong việc tổ chức HĐGD NGLL, giao nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ lớp sẽ tạo nên thế chủ động cho các em khi điều hành hoạt động. Điều đó sẽ giúp phát triển tính chủ động, sáng tạo, khả năng ứng đáp trong mọi tình huống của học sinh.

**6. Phương pháp trò chơi**

Hoạt động vui chơi có nhiều hình thức rất đa dạng, nhưng cốt lõi của nó là dạng các trò chơi. Hoạt động trò chơi có nguồn gốc từ xã hội, nó phản ánh các loại hình lao động khác nhau của xã hội và làm thay đổi mục đích của chúng.

Phương pháp trò chơi có thể sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau của HĐGD NGLL như làm quen, tiếp nhận tri thức, đánh giá kết quả, rèn luyện các kĩ năng và củng cố các tri thức đã được tiếp nhận. Phương phá trò chơi có những thuận lợi như: Phát huy tính sáng tạo, hấp dẫn và gây hứng thú cho học sinh, tạo bầu không khí than thiện, tạo cho học sinh phong cách nhanh nhẹn…

Vì vậy tổ chức cho học sinh vui chơi là một loại hình HĐGD NGLL phổ biến và có ý nghĩa tích cực .

**Điểm tự xếp: 9 điểm**

**Điểm tổ xếp:..................điểm**

**\*THCS 35:** Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THCS.

***1. Các quan niệm vê kĩ năng sống:***

-Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), kĩ năng sống là khả năng để có hành vi thích ứng (adaptive) và tích cực (positive), giúp các cá nhân có thể ứng xử hiệu quả trước các nhu cầu và thách thức của cuộc sống hằng ngày.

-Theo Quỹ Nhi đồng Liên hợp quổc (UNICEF), kĩ năng sống là cách tiếp cận giúp thay đổi hoặc hình thành hành vi mới. Cách tiếp cận này lưu ý đến sự cân bằng về tiếp thu kiến thức, hình thành thái độ và kĩ năng.

-Theo Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO), kĩ năng sống gắn với 4 trụ cột của giáo dục, đó là: *Học để biết* gồm các kĩ năng tư duy như: tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, ra quyết định, giải quyết vấn đề, nhận thức được hậu quả...; ***học làm người*** gồm các kĩ năng cá nhân như: ứng phó với căng thẳng, kiềm soát cảm xúc, tự nhận thức, tự tin, ***học để sống vời người khác*** gồm các kĩ năng xã hội như: giao tiếp, thường lúng túng, tự khẳng định, hợp tắc, làm việc theo nhóm, thể hiện sự cảm thông; *Học để làm* gồm kĩ năng thực hiện công việc và các nhiệm vụ như: kĩ năng đặt mục tiêu, đảm nhận trách nhiệm.

Phân tích các quan niệm trên cho thấy: Quan niệm của WHO nhấn mạnh đến khả năng của cá nhân cò thể duy tri trạng thái tinh thần và biết thích nghĩ tích cực khi tương tác với người khác và với môi trường của mình. Quan niệm này mang tính khái quát nhưng chưa thể hiện được ngay các kĩ năng cụ thể, mặc dù khi phân tích sâu thì thấy tương đối gần với nội hàm kĩ năng sống theo quan niệm của UNESCO. Quan niệm của UNESCO là quan niệm rất chi tiết, cụ thể, có nhấn mạnh thêm kĩ năng thực hiện công việc và nhiệm vụ. còn quan niệm của UNICEF nhấn mạnh lằng kĩ năng không hình thành và tồn tại một cách độc lập mà trong mổi tương tác mật thiết có sự cân bằng với kiến thức và thái độ. Kĩ năng mà một người có được một phần lớn cũng như có được kiến thức (Ví dụ: muốn có kĩ năng thương lượng phải biết nội dung thương luợng). Việc đề cập thái độ cũng là một góc nhìn hữu ích vì thái độ có tác động mạnh mẽ đến kĩ năng (Ví dụ, thái độ kì thị khó làm cho một người thực hiện tốt kĩ năng biết thể hiện sự tôn trọng với người khác).

Từ những quan niệm trên đây có thể thấy, kĩ năng sống bao gồm một loạt các kĩ năng cụ thể, cần thiết cho cuộc sống hằng ngày của con người. Bản chất của kĩ năng sống là kĩ năng tự quản bản thân và kĩ năng xã hội cần thiết để cá nhân tự lực trong cuộc sống, học tập và làm việc hiệu quả. Nói cách khác, kĩ năng sống là khả năng làm chủ bản thân của mọi người, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống.

*Lưu ý.*

* Có nhiều tên gọi khác nhau về kĩ năng sống như; kĩ năng tâm lí xã hội, kĩ năng cá nhân, lĩnh hội và tư duy.
* Một kĩ năng sống có thể có những tên gọi khác nhau, ví dụ:

+ Kĩ năng hợp tác, còn gọi là kĩ năng làm việc theo nhóm;

+ Kĩ năng kiểm soát cảm xúc, còn gọi là kĩ năng xử lí cảm xúc, kĩ năng làm chủ cảm xúc.

+ Kĩ năng thương luợng còn gọi là kĩ năng đầm phán, kĩ năng thương thuyết

* Kĩ năng sống không phải tự nhiên có được mà phải được hình thành trong quá trình học tập, lĩnh hội và rèn luyện trong cuộc sống. Quá trình hình thành kĩ năng sống diễn ra cả trong và ngoài hệ thống giáo dục.
* Kĩ năng sống vừa mang tính cá nhân, vừa mang tính xã hội. Kĩ năng sống mang tính cá nhân vì đó là khả năng của cá nhân. Kĩ năng sống mang tính xã hội vì kĩ năng sống phụ thuộc vào các giai đoạn phát triển lịch sử xã hội, chịu ảnh hưởng của truyền thông và văn hoá của gia đình, cộng đồng, dân tộc.

Kĩ năng sống là khả năng làm chủ bản thân của moi người, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống.

***2. Các cách phân loại kĩ năng sống:***

* Theo UNESCO, WHO và UNICEF, có thể Xem kĩ năng sống gồm các kĩ năng cổt lõi sau:

+ Kĩ năng giải quyết vấn đề.

+ Kĩ năng suy nghĩ/tư duy phân tích có phê phán.

+- Kĩ năng giao tiếp hiệu quả.

+- Kĩ năng ra quyết định.

+ Kĩ năng tư duy sáng tạo.

+ Kĩ năng giao tiếp ứng xử cá nhân.

+ Kĩ năng tự nhận thức/tự trọng và tự tin của bản thân, xác định giá trị (Self-Awareness building skills, incl.

+ Kĩ năng thể hiện sự cảm thông.

+ Kĩ năng ứng phó với căng thẳng và cảm xúc.

* Trong giáo dục ở Anh quốc, kĩ năng sống được chia thành nhóm chính là:

+ Hợp tác nhóm.

+ Tự quản.

+ Tham gia hiệu quả.

+ Suy nghĩ/tư duy bình luận, phê phán.

+ Suy nghĩ sáng tạo.

+ Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

* Trong giáo dục chính quy ở nước ta những năm vừa qua, kĩ năng sống thường được phân loại theo các mối quan hệ, bao gồm các nhóm sau:

+ Nhóm các kĩ năng nhận biết và sống với chính mình: bao gồm các kĩ năng sống cụ thể như: tự nhận thức, xác định giá trị, ứng phó với căng thẳng, tìm kiềm sự hỗ trợ, tự trọng, tự tin.

+ Nhóm các kĩ năng nhận biết và sống với người khác: bao gồm các kĩ năng sống cụ thể như: giao tiếp có hiệu quả, giải quyết mâu thuẫn, thương lượng, tù chổi, bày tỏ sự cảm thông, hợp tác.

+ Nhóm các kĩ năng ra quyết định một cách có hiệu quả; bao gồm các kĩ năng sống cụ thể như: tìm kiếm và xử lí thông tin, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, ra quyết định, giải quyết vấn đề.

Trên đây chỉ là một số trong các cách phân loại kĩ năng sống. Tuy nhiên, mọi cách phân loại đều chỉ là tương đổi. Trên thực tế, các kĩ năng sống thường không hoàn toàn tách ròi nhau mà có liên quan chặt chẽ đến nhau. Ví dụ, khi cần ra quyết định một cách phù hợp thì các kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin, kĩ năng tư duy phê phán, kĩ năng tư duy sáng tạo, kĩ năng xác định giá trị, thường được vận dụng. Hay để có thể giao tiếp một cách có hiệu quả, cần phổi hợp những kĩ năng như: kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng thương lượng, kĩ năng tư duy phê phán, kĩ năng cảm thông, chia sẻ, kĩ năng kiềm chế, đương đầu với cảm xửc. Hoặc để đặt được mục ÜÊU cần phổi hợp các kĩ năng như: kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng tư duy phÊ phán, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ.

*Tóm lại*

1. Kĩ năng sống là khả năng làm chủ bản thân của moi người, khả năng ứng xử phù họp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống.
2. Phân loại kĩ năng sống: c ỏ s kĩ năng cơ bản + KÏ năng giao tiếp.

+ Kĩ năng tự nhận thức.

+ Kĩ năng xác định giá trị.

+ Kĩ năng kiểm soát cảm xúc.

- Kĩ năng thương lượng.

+ Kĩ năng từ chỏi.

- Kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề.

- Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn.

**3. Vai trò và mục tiêu giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở.**

Kĩ năng sống có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển cá nhân và xã hội. Người có kĩ năng sống đứng đắn sẽ biết ứng xử phù hợp trong mọi tình huống, có khả năng làm chủ xúc cảm, tình cảm và hành vi, có thói quen và lối sống lành mạnh, vượt qua được mọi khó khăn và đạt được nhiều thành công trong cuộc đời. Trong thực tế, nhiều khi con người có nhận thức đúng nhưng lại có hành vi sai trái, tiêu cực. Đó là do họ thiếu kĩ năng sống. Nếu có được kĩ năng sống thi sự tác động của họ sẽ khác, sẽ trờ nên tích cực. vì vậy, việc trang bị, rèn luyện cho mình những kĩ năng sống là vô cùng quan trọng.

**3.1 V*ai trò cùa giáo dục kĩ năng sống:***

Giáo dục kĩ năng sống là quá trình hình thành những hành vi tích cực, lành mạnh và thay đổi những hành vi, thói quen tiêu cực trên cơ sở giúp học sinh có cả kiến thức, giá trị, thái độ và kĩ năng thích hợp; là giáo dục những kĩ năng mang tính cá nhân và xã hội nhằm giúp học sinh chuyển dịch kiến thức (cái học sinh biết), thái độ, giá trị (cái mà học sinh cảm nhận, tin tưởng, quan tâm) thành hành động thực tế (làm gì và làm cách nào) trong những tình huống khác nhau của cuộc sống.

Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở sẽ đem lại những lợi ích thiết thực cho người học và cộng đồng, xã hội:

Giúp học sinh giải quyết được những nhu cầu của bản thân để phát triển theo hướng tích cực, góp phần vận dụng môi trường sống lành mạnh, đảm bảo cho trẻ phát triển tốt về thể chất, tinh thần và xã hội. Giáo dục kĩ năng sống giúp học sinh hình thành hành vi sức khỏe đúng đắn, lành mạnh để phòng tránh các nguy cơ (như HIV7AIDS, lạm dụng ma túy) tạo ra sự thay đổi hành vi để làm giảm những nguy cơ, cung cấp các thông tin cơ bản và giúp thanh thiếu niên phát triển những kĩ năng sống cần thiết để ra quyết định và hành động theo những quyết định liên quan đến sửc khỏe. Thông qua giáo dục kĩ năng sống, học sinh có được kiến thức, giá trị, thái độ và các kĩ năng sống cần thiết để xây dựng nền mảng vững chắc cho lòng tôn trọng quyền con người, các nguyên tắc dân chủ và chống lại bạo lực, tội ác; giúp các em có thể phát triển các kĩ năng phân tích, tư duy phê phán, ra quyết định, tự trọng, thiện chí, sáng tạo, giao tiếp, giải quyết xung đột, hợp tác.

Giáo dục kĩ năng sống có tác động tích cực trong quá trình dạy và học, là thực hiện yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Mục tiêu của giáo dục phổ thông theo yêu cầu mới đã chuyển từ chỗ chủ yếu là trang bị kiến thức cho học sinh sang chủ yếu là trang bị những phản chất và năng lực công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quổc. Phương pháp giáo dục phổ thông cũng được xác định “phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên" (Luật Giáo dục năm 2005, Điều 5). Giáo dục kĩ năng sống với mục tiêu và cách tiếp cận là hình thành và làm thay đổi hành vi của học sinh theo huống tích cực, bồi dưỡng cho các em năng lực hành động trong cuộc sống, thực chất là thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông. Phương pháp giáo dục kĩ năng sống là thực hiện quan điễm huống vào người học nên có thể đáp ứng được nhu cầu của người học, năng cao chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân. Mặt khác, giáo dục kĩ năng sống thông qua những phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực mang tính tương tác, cùng tham gia, đề cao vai trò chủ động, tự giác của người học sẽ có những tác động tích cực đối với quan hệ giữa thầy và trò, giữa học sinh với nhau, tạo ra động lực cho việc học tập. Học sinh sẽ hứng thú và học tập tích cực hơn, có hiệu quả hơn, nhất là khi các vấn đề mà các em được tham gia có quan hệ trực tiếp đến cuộc sống của bản thân.

Giáo dục kĩ năng sống thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực, góp phần xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội, làm giảm các tiêu cực trong xã hội như nạn nghiện rượu, nghiện ma tuý, cờ bạc, mại dâm, bạo lực. Giáo dục kĩ năng sống giải quyết một cách tích cực nhu cầu và quyền con người, quyền công dân được ghi trong pháp luật Việt Nam và quốc tế; giải quyết các vấn đề cụ thể như hoà bình và an ninh, bình đẳng giới, đa dạng văn hoá và hiểu biết về giao lưu vàn hoá, sửc khỏe, HIV7AIDS, bảo vệ môi trường, giúp cho mỗi cá nhân có thể định hướng tới cuộc sống lành mạnh phù hợp với các giá trị sống của xã hội, giúp thúc đẩy sự phát triển bền vững của cá nhân và của tập thể, xã hội; góp phần củng cổ sự ổn định, an ninh chính trị của quốc gia.

-Học sinh trung học cơ sở đang ở trong độ tuổi thiếu niên, lứa tuổi đang phát triển mạnh về cả thể chất và tinh thần. Nhu cầu hoạt động và giao tiếp của các em đang phát triển mạnh. Do đó, ý thức về cuộc sống, về bản thân, về con người cũng phát triển; các năng lực cá nhân cũng dần hình thành. Đời sống tình cảm của các em cũng rất phong phú, thể hiện rõ nhất trong quan hệ tình bạn (đồng giới hoặc khác giới). Nó chi phỏi tình cảm và xu hướng hoạt động của các em. Giáo dục kĩ năng sống nếu biết khai thác những khía cạnh tích cực trong đặc điểm tâm lí của học sinh sẽ tạo điều kiện thuận lợi giúp các em phát triển nhân cách. Bên cạnh đó, môi trường xã hội cũng ảnh hường rất lớn đến nhân cách của học sinh trung học cơ sở. Bổi cẩnh hội nhập quốc tế và cơ chế thị trường hiện nay với những tác động tích cực và tiêu cực đan xen khiến trẻ luôn luôn phải có sự lựa chọn, phải đương đầu với những áp lực, thử thách, nếu không được hướng dẫn, các em dễ bị lôi kéo vào các hành vi tiêu cực như nghiện hút, bạo lực, ăn chơi sa đoạ. Giáo dục kĩ năng sống giúp các em ứng phó với những vấn đề của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở như phòng tránh lạm dụng game, phòng tránh rủi ro trong quan hệ giới tính, phòng tránh sử dung chất gây nghiện, phòng tránh bạo lực học đường; từ đó tạo điều kiện giúp Quốc hội giải quyết một cách tích cực nhu cầu và quyền trẻ em, giúp học sinh xác định được nghĩa vụ của mình đổi với bản thân, gia đình, xã hội. Có thể nói, giáo dục kĩ năng sống có giá trị đặc biệt đổi với thanh, thiếu niên đang lớn lên trong xã hội hiện đại với nền văn hoá đa dạng, nền kinh tế phát triển và bối cảnh thế giới được coi là một mái nhà chung.

**3.2 Mục tiêu giáo *dục kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở:***

Mục tiêu giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông theo yêu cầu mới gắn 4 trụ cột của thế kỉ XXI: Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định và học để cùng chung sống.

Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở nhằm đạt những mục tiêu sau:

-Học sinh hiểu được sự cần thiết của các kĩ năng sống giúp cho bản thân có thể sống tự tin, lành mạnh, phòng tránh được các nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể chất, tinh thần và đạo đức của các em;

hiểu tác hại của những hành vi, thói quen tiêu cực trong cuộc sống cần loại bỏ.

-Có kĩ năng làm chủ bản thân, biết xử lí linh hoạt trong các tình huống giao tiếp hằng ngày thể hiện lối sống có đạo đức, có văn hoá; có kĩ năng tự bảo vệ mình trước những vấn đề xã hội có nguy cơ ảnh hưởng đến cuộc sống an toàn và lành mạnh của bản thân; rèn luyện lối sống có trách nhiệm với bản thân, bè bạn, gia đình và cộng đồng.

-Học sinh có nhu cầu rèn luyện kĩ năng sống trong cuộc sống hằng ngày; yêu thích lối sống lành mạnh, có thái độ phê phán đối với những biểu hiện thiếu lành mạnh; tích cực, tự tin tham gia các hoạt động để rèn luyện kĩ năng sống và thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình.

**4. Nội dung và nguyên tắc giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở.**

***4.1Nội dung giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở:***

Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở là giáo dục những kĩ năng sống cổt lõi cần hình thành và phát triển ờ các em. Đó là các kĩ năng sau:

* *Kĩ năng tự nhận thức:*

Kĩ năng tự nhận thức là khả năng của con người nhận biết đúng đắn rằng mình là ai; sống trong hoàn cảnh nào; tình cảm, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu, của bản thân mình ra sao; vị trí của mình trong mối quan hệ với người khác như thế nào; luôn ý thức được mình đang làm gì hoặc mình có thể thành công ờ những lĩnh vực nào.

Tự nhận thức là một kĩ năng sống tốt cơ bản của con ngựời. Nó giúp chúng ta ứng xử, hành động phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của bản thân; biết nhận ra điểm mạnh của mình để phát huy, điểm yếu của mình để khắc phục; biết điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của mình theo hướng tích cực. Có hiểu đúng về mình, con người mới có thể có những quyết định, những sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp, có thể điều chỉnh mục tiêu hoạt động và mục tiêu cuộc sống cho phù hợp và khả thi.

* *Kĩ năng giao tiếp:*

Kĩ năng giao tiếp là khả năng có thể bày tỏ ý kiến của bản thân theo hình thức nói, viết hoặc sử dụng ngôn ngữ có thể (điệu bộ, động tác, cử chỉ, nét mặt) một cách phù hợp với hoàn cảnh và văn hoá, đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác ngay cả khi bất đồng quan điểm. Bày tỏ ý kiến bao gồm cả bày tỏ về suy nghĩ, ý tưởng, nhu cầu, mong muốn và cảm xúc, đồng thời nhờ sự giúp đỡ và sự tư vấn khi cần thiết.

Kĩ năng giao tiếp giúp con người biết đánh giá tình huống giao tiếp và điều chỉnh cách giao tiếp một cách phù hợp, hiệu quả; cởi mở bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc nhưng không làm hại hay gây tổn thương cho người khác. Kĩ năng này giúp ta có mối quan hệ tích cực với người khác, biết cách xây dựng mối quan hệ với bạn bè mới và là yếu tố rất quan trọng đối với niềm vui cuộc sống. Kĩ năng giao tiếp là yếu tố cần thiết cho nhiều kĩ năng khác như bày tỏ sự cảm thông, thương lượng, hợp tác, tìm kiếm sự giúp đỡ, giải quyết mâu thuẫn, kiểm soát cảm xúc. Người có kĩ năng giao tiếp tốt biết dung hoà đối với mong đợi của những người khác; có cách ứng xử phù hợp khi làm việc cùng và ở cùng với những người khác trong một môi trường tập thể, quan tâm đến những điều người khác quan tâm và giúp họ có thể đạt được những điều họ mong muốn một cách chính đáng.

* *Kĩ năng lắng nghe tích cực:*

+ Lắng nghe tích cực là một phần quan trọng của kĩ năng giao tiếp. Người có kĩ năng lắng nghe tích cực biết thể hiện sự tập trung chủ ý và thể hiện sự quan tâm lắng nghe ý kiến hoặc phần trình bày của người khác (bằng các cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt, nụ cười), biết cho ý kiến phản hồi mà không vội đánh giá, đồng thời có đổi đáp hợp lí trong quá trình giao tiếp.

+ Người có kĩ năng lắng nghe tích cực thường được nhìn nhận là biết tôn trọng và quan tâm đến ý kiến của người khác, như đó làm cho việc giao tiếp, thương lượng và hợp tác của họ hiệu quả hơn. Lắng nghe tích cực cũng góp phần giải quyết mâu thuẫn một cách hài hoà và xây dựng.

+ Kĩ năng lắng nghe tích cực có quan hệ mật thiết với các kĩ năng giao tiếp, thương lượng, hợp tác, kiềm chế cảm xúc và giải quyết mâu thuẫn.

+ 5 yếu tố chính của lắng nghe tích cực:

* Tập trung chủ ý: Nhìn thẳng vào người nói. Gác lại những suy nghĩ làm mất tập trung. Đừng chuẩn bị sự phân đổi trong tâm trí. Tránh bị phân tán bởi yếu tố ngoại cảnh. “Nghe" ngôn ngữ co thể của người nói. Không nói chuyện riêng.
* Thể hiện rằng bạn đang lắng nghe: Thỉnh thoảng đầu. Cười và sử dụng các cách biểu đạt trên khuôn mặt. Lưu ý “ngôn ngữ cơ thể" của bạn và đảm bảo rằng bạn thể hiện thái độ cởi mở và mời gọi người khác nói. Khuyến khích người nói tiếp tục bằng cách đưa ra những nhận xét ngắn gọn (“văng" hoặc “ù hư").
* Không vội đánh giá: Để cho người kia nói xong. Không ngắt lời bằng những tranh cãi đối lập.
* Đối đáp hợp lí: Hãy thật thà, cởi mở và thành thật khi đối đáp. Đưa ra ý kiến của mình một cách tôn trọng. Cư xử với người kia theo cách mà họ mong muốn.

+ Những điều nên làm trong quá trình lắng nghe:

* Phải hoà mình vào cuộc đối thoại.
* Phải nhìn chăm chú vào người nói.
* Gật đầu tán thưởng.
* Nháy mắt khuyến khích.
* Thêm một vài từ đệm: ừ hử; vâng, đúng vậy, chính xác, tuyệt.
* Nếu có cơ hội, đặt lại câu hỏi làm rõ thêm: Tại sao lại thế? Nói nõ hơn được không?
* Nhắc lại một số ý mà mình đã nghe được

+ Điều không nên làm khi nghe:

* Không nói leo, chen ngang, ngắt lời người khác.
* *Kĩ năng xác định giá trị:*

Giá trị là những gì con người cho là quan trọng, là có ý nghĩa đối với bản thân mình, có tác dụng định hướng cho suy nghĩ, hành động và lối sống của bản thân trong cuộc sống. Giá trị có thể là những chuẩn mục đạo đức, những chính kiến, thái độ và thậm chí là thành kiến đối với một điều gì đó.

Giá trị có thể là giá trị vật chất hoặc giá trị tinh thần, có thể thuộc các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, đạo đức, kinh tế.

* *Kĩ năng kiên định:*

+ Kĩ năng kiên định là khả năng con người nhận thức được những gì mình muốn và lí do dẫn đến sự mong muốn đó. Kiên định còn là khả năng tiến hành các bước cần thiết để đạt được những gì mình muốn trong những hoàn cảnh cụ thể, dung hoà được giữa quyền, nhu cầu của mình với quyền, nhu cầu của người khác.

- Kiên định khác với hiếu thắng- nghĩa là luôn chỉ nghĩ đến quyền và nhu cầu của bản thân, bằng mọi cách để thoả mãn nhu cầu của mình, không quan tâm đến quyền và nhu cầu của người khác.

+ Kiên định không phải là thô bạo: Bạn kiên định không có nghĩa là phải hùng hổ đe nẹt người khác, bắt người khác nghe theo ý kiến của mình. Nếu người ta không chấp nhận thì bạn lại tỏ ra tức giận, hoặc phá ngang.

+ Kiên định cũng khác với phục tùng - nghĩa là luôn bị phụ thuộc vào người khác; hi sinh cả quyền và nhu cầu chính đáng của bản thân để phục vụ cho quyền và nhu cầu không chính đáng của người khác.

Thể hiện tính kiên định trong mọi hoàn cảnh là cần thiết song cần có cách thức khác nhau để thể hiện sự kiên định đổi với từng đổi tượng khác nhau.

+ Khi cần kiên định trước một tình huống/vấn đề, chúng ta cần:

* Nhận thức được cảm xúc của bản thân,
* Phân tích, phê phán hành vi của đối tượng,
* Khẳng định ý muốn của bản thân bằng cách thể hiện thái độ, IM nói hoặc hành động mang tính tích cực, mềm dẻo, linh hoạt và tự tin.

+ Cách rèn luyện kĩ năng kiên định:

* Tập nói thẳng: Điều này làm cho lời nói của bạn đơn giản và chân thật. Đừng nghĩ những nhu cầu của mình là tội lỗi. Tuy nhiên nói thẳng nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc của văn hoá giao tiếp.
* Hãy dùng đại từ “tôi": Bạn nên làm chủ lời nói của mình. Thay vì nói “có lẽ tôi cần sự giúp đỡ" hãy nói “Tôi mong bạn giúp tôi". Thay vì nói “Ở đây khó chịu quá" hãy nói “Tôi cảm thấy không thích ởđây lắm".
* Hãy kiên nhẫn truyền đạt thông tin mà bạn mong muổn; Nếu điều bạn nói không được chú ý đến, hãy nói lại và đừng tỏ ra giận dữ. Hãy phát biểu như ban đầu cho đến khi được đón nhận.
* *Kĩ năng ra quyết định:*

Trong cuộc sống hằng ngày, con người luôn phải đối mặt với những tình huống, những vấn đề cần giải quyết buộc chúng ta phải lựa chọn, đưa ra quyết định hành động Kĩ năng ra quyết định là khả năng của cá nhân biết quyết định lựa chọn phương án tổi ưu để giải quyết vấn đề hoặc tình huống gặp phải trong cuộc sống một cách kịp thời.

Mọi cá nhân phải tự mình ra quyết định cho bản thân; không nên trông chờ, phụ thuộc vào người khác; mặc dù có thể tham khảo ý kiến của những người tin cậy trước khi ra quyết định.

Kĩ năng ra quyết định rất cần thiết trong cuộc sống, giúp cho con người có được sự lựa chọn phù hợp và kịp thời, đem lai thành công trong cuộc sống. Ngược lai, nếu không có kĩ năng ra quyết định, con người ta có thể có những quyết định sai lầm hoặc chậm trễ, gây ảnh hưởng tiêu cực đến các mổi quan hệ, đến công việc và tương lai cuộc sống của bản thân; đồng thời còn có thể làm ảnh huờng đến gia đình, bạn bè và những người có liên quan.

* *Kĩ năng hợp tác:*

+ Hợp tác là cùng chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó vì mục đích chung.

+ Kĩ năng hợp tác là khả năng cá nhân biết chia sẻ trách nhiệm, biết cam kết và cùng làm việc có hiệu quả với những thành viên khác trong nhóm.

+ Biểu hiện của người có kĩ năng hợp tác:

* Tôn trọng mục đích, mục tiêu hoạt động chung của nhóm; tôn trọng những quyết định chung, những điều đã cam kết.
* Biết giao tiếp hiệu quả, tôn trọng, đoàn kết và cảm thông, chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.
* Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.
* Nỗ lực phát huy năng lực, sở trường của bản thân để hoàn thành tốt nhiệm vụ đã được phân công. Đồng thời biết hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác trong quá trình hoạt động.

+ Có kĩ năng hợp tác là một yêu cầu quan trọng đối với người công dân trong một xã hội hiện đại, bởi vì:

Mọi người đều có những điểm mạnh và hạn chế riêng. Sự hợp tắc trong công việc giúp mọi người hỗ trợ, bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh trí tuệ, tinh thần và thể chất, vượt qua khó khăn, đem lại chất lượng và hiệu quả cao hơn cho công việc chung.

+ 5 yếu tố thành công trong hợp tác:

* Xây dụng mục tiêu chung để tất cả cùng biết.
* Đoàn kết, tin cậy
* Đảm bảo mọi người đều có việc vừa tầm, vừa sức, phù hợp với khả năng.
* Nhìn người khác làm và lắng nghe người khác nói để phỏi hợp nhịp nhàng.
* Phát triển các kĩ năng khác trong hợp tác như kĩ năng giao tiếp, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng xây dựng và duy trì mối quan hệ Liên cá nhân.
* *Kĩ năng ứng phó với căng thẳng.*

Trong cuộc sống hằng ngày, con người thường gặp những tình huống gây căng thẳng cho bản thân. Tuy nhiên, có những tình huống có thể gây căng thẳng cho người này nhưng lại không gây căng thẳng cho người khác và ngược lai.

Sự căng thẳng biểu hiện ở yếu tố cơ thể, tinh thần, qua suy nghĩ, qua hành vi. Biểu hiện cụ thể: co thể mệt mỏi, đổ mồ hôi, chóng mặt, đau cơ bắp, muốn ngất đi, tim đập nhanh, mệt lả người, đau đầu, có nhiều cảm xúc lẫn lộn, cảm thấy bồi hồi, lo lắng, sợ hãi, hân hoan cao độ, nổi giận, buồn chán, cảm thấy vô vọng, cảm thấy bị dồn nén, cảm thấy khác lạ, mất phương hướng, dế nổi nóng, tự đổ lỗi cho bản thân, cảm thấy dế bị tổn thương, khó tập trung không muốn suy nghĩ gì nữa, ý nghĩ quanh quẩn, không nhớ, bị lẫn lộn, suy nghĩ tiêu cực, nghi ngờ, không biết quyết định thế nào; hồi tưởng lại những sự buồn phiền gần đây nhất; cảm thấy mất lòng tin, khó ngủ, ăn không ngon, nói năng không nõ ràng, khó hiểu, hay tranh luận, không muốn tiếp xúc với người khác, uống rượu, bia, uống thuốc an thần.

Kĩ năng ứng phó vỏi căng thẳng rất quan trọng, giúp cho con người:

+ Biết suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi căng thẳng.

+ Duy trì được trạng thái cân bằng, không làm tổn hại sức khỏe thể chất và tinh thần của bản thân.

+ Xây dựng được những mổi quan hệ tốt đẹp, không làm ảnh hưởng đến người xung quanh.

Chúng ta có thể ứng phó với trạng thái căng thẳng bằng cách quan tâm đến cơ thể và hành vi của mình, tránh các tình huống căng thẳng nếu có thể, nghỉ ngơi và ngủ nhiều, xác định nguyên nhân gây căng thẳng và làm gì đó để thay đổi các nguyên nhân này, theo dõi những thay đổi khi áp dụng các biện pháp chống căng thẳng, quản lí thời gian - hoàn thành tùng việc một, suy nghĩ lạc quan, ăn uống hợp lí, tập các bài tập thư giãn, đọc sách hoặc làm gì đó để không bị bận tâm về nguyên nhân gây căng thẳng.

* *Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ.*

+ Trong cuộc sống, nhiều khi chúng ta gặp những vấn đề, tình huống phải cần đến sự hỗ trợ, giúp đỡ của những người khác. Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ bao gồm các yếu tố sau:

* Ý thức được nhu cầu cần giúp đỡ.
* Biết xác định được những địa chỉ hỗ trợ đáng tin cậy.
* Tự tin và biết tìm đến các địa chỉ đó.
* Biết bày tỏ nhu cầu cần giúp đỡ một cách phù hợp.

+ Khi tìm đến các địa chỉ hỗ trợ, chúng ta cần:

* Cư xử đúng mực và tự tin.
* Cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, ngắn gọn.
* Giữ bình tĩnh nếu gặp sự đổi xử thiếu thiện chí. Nếu vẫn cần sự hỗ trợ của người thiếu thiện chí, cổ gắng tỏ ra bình thường kiên nhẫn nhưng không sợ hãi.
* Nếu bị cự tuyệt, đừng nản chí hãy kiên trì tìm sự hỗ trợ tù các địa chỉ khác.
* *Kĩ năng thể hiện sự tự tin:*

Tự tin là có nềm tin vào bản thân; tự hài lòng với bản thân; tin rằng mình có thể trờ thành một người có ích và tích cực, có niềm tin về tương lai, cảm thấy có nghị lực để hoàn thành các nhiệm vụ.

Kĩ năng thể hiện sự tự tin giúp cá nhân giao tiếp hiệu quả hơn, mạnh dạn bày tỏ suy nghĩ và ý kiến của mình, quyết đoán trong việc ra quyết định và giải quyết vấn đề, thể hiện sự kiên định, đồng thời cũng giúp người đó có suy nghĩ tích cực và lạc quan trong cuộc sống.

* *Kĩ năng thể hiện sự cảm thông.*

Thể hiện sự cảm thông là khả năng có thể hình dung và đặt mình trong hoàn cảnh của người khác, giúp chúng ta hiểu và chấp nhận người khác Vốn là những người rất khác mình, qua đó chúng ta có thể hiểu rõ cảm xúc và tình cảm của người khác và cảm thông với hoàn cảnh hoặc nhu cầu của họ.

Kĩ năng này có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả giao tiếp và ứng xử với người khác; cải thiện các mối quan hệ giao tiếp xã hội, đặc biệt trong bối cảnh xã hội đa văn hoá, đa sắc tộc. Kĩ năng thể hiện sự cảm thông cũng giúp khuyến khích thái độ quan tâm và hành vi thân thiện, gần gũi với những người cần sự giúp đỡ.

***4.2.Nguyên tắc giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở***

*Tương tác.*

Kĩ năng sống không thể được hình thành chỉ qua việc nghe giảng và tự đọc tài liệu mà phải thông qua các hoạt động tương tác với người khác. Việc nghe giảng và tự đọc tài liệu chỉ giúp học sinh thay đổi nhận thức về một vấn đề nào đó. Nhiều kĩ năng sống được hình thành trong quá trình học sinh tương tác với bạn cùng học và những người xung quanh (kĩ năng thương lượng, kĩ năng giải quyết vấn đề...) thông qua hoạt động học tập hoặc các hoạt động xã hội trong nhà trường. Trong khi tham gia các hoạt động có tính tương tác, học sinh có dịp thể hiện các ý tưởng của mình, xem xét ý tưởng của người khác, được đánh giá và xem xét lại những kinh nghiệm sống của mình trước đây theo một cách nhìn nhận khác.

*Trải nghiệm:*

Kĩ năng sống chỉ được hình thành khi người học được trải nghiệm qua các tình huống thực tế. Học sinh chỉ có kĩ năng khi các em tự làm việc đó, chứ không chỉ nói về việc đó. Kinh nghiệm có được khi học sinh được hành động trong các tình huống đa dạng giúp các em dế dàng sử dụng và điều chỉnh các kĩ năng phù hợp với điều kiện thực tế.

Giáo viên cần thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động trong và ngoài giờ học sao cho học sinh có co hội thể hiện ý tưởng cá nhân, tự trải nghiệmvà biết phân tích kinh nghiệm sống của chính mình và người khác.

*Tiến trình:*

Giáo dục kĩ năng sống không thể hình thành trong “ngày một, ngày hai" mà đòi hỏi phải có cả quá trình: nhận thức - hình thành thái độ - thay đổi hành vi. Đây là một quá trình mà mọi yếu tố có thể là khởi đầu của một chu trình mới. Do đó, nhà giáo dục có thể tác động lên bất kì mắt xích nào trong chu trình trên: thay đổi thái độ dẫn đến mong muốn thay đổi nhận thức và hành vi hoặc hành vi thay đổi tạo nên sự thay đổi nhận thức và thái độ.

*Thay đổi hành vi:*

Mục đích cao nhất của giáo dục kĩ năng sống là giúp người học thay đổi hành vi theo hướng tích cực. Giáo dục kĩ năng sống thúc đẩy người học thay đổi hay định hướng lại các giá trị, thái độ và hành động của mình. Thay đổi hành vi, thái độ và giá trị ờ từng con người là một quá trình khó khăn, không đồng thời, có thời điểm người học lại quay trờ lại những thái độ, hành vi hoặc giá trị trước. Do đó, các nhà giáo dục cần kiên trì chờ đợi và tổ chức các hoạt động liên tục để học sinh duy trì hành vi mới và có thói quen mới; tạo động lực cho học sinh điểu chỉnh hoặc thay đổi giá trị, thái độ và những hành vi trước đây, thích nghi hoặc chấp nhận các giá trị, thái độ và hành vi mới.

*Thời gian – môi trường* giáo *dục:*

Giáo dục kĩ năng sống cần thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc và thực hiện càng sớm càng tốt đối với trẻ em. Môi trường giáo dục được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho học sinh áp dụng kiến thức và kĩ năng vào các tình huống “thực" trong cuộc sống.

Giáo dục kĩ năng sống được thực hiện trong gia đình, trong nhà trường và cộng đồng. Người tổ chức giáo dục kĩ năng sống có thể là bố mẹ, là thầy cô, là bạn cùng học hay các thành viên cộng đồng.

**5. Phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở trong các môn học và hoạt động giáo dục.**

Phương pháp dạy học nhóm

Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình

Phương pháp giải quyết vấn đề:

Phương pháp đóng vai

Phương pháp trò chơi

Dạy học theo dự án (Phương pháp dự án)

**6. Một số kĩ thuật dạy học tích cực.-**

*-Kĩ thuật chia nhóm*

-*Kĩ thuật giao nhiệm vụ*

*-Kĩ thuật đặt câu hòi*

*-Kĩ thuật "khăn trài bàn"*

*Kĩ thuật "phòng tranh"*

*-Kĩ thuật "công đoạn"*

*-Kĩ thuật "các mành ghép*"

*-Kĩ thuật "động não"*

*-Kĩ thuật "trình bày 1 phút"*

*-Kĩ thuật "chúng em biẽt 3"*

*-Kĩ thuật "hòi và trà lời"*

*-Kĩ thuật "hỏi chuyên gia'1*

*-Kĩ thuật "lược đồ tư duy"*

*-Kĩ thuật "hoàn tãt một nhiệm* *v*ụ"

*-Kĩ thuật "viết tích cực"*

*-Kĩ thuật "đọc hợp tác" (còn gọi là "đọc tích cực")*

*-Kĩ thuật "nói cách khác"*

*-Phân tích phim Video*

*-Tóm tắt nội dung theo nhóm*

**Điểm tự xếp: 9 điểm**

**Điểm tổ xếp:..................điểm**

**\*THCS 36:** Giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS.

**1.Khái niệm giá trị sống :**

Giá trị sống (Living values) vốn là chủ đề đã được bản thảo từ khá sớm trong lịch sử. Trong những bản thảo đó, nhiều nội dung của các khoa học xã hội nhân văn như Triết học, Đạo đức học, Xã hội học, Tôn giáo học, Tâm lí học, Giáo dục học... đã đuợc đề cập đển để làm rõ nội hàm của nó. Chẳng hạn: Cuộc sống là gì? Ý nghĩa của cuộc sống là gì? Những gì làm cho cuộc sống trở nên có ý nghĩa? Làm thể nào con người có thể chung sống với nhau mà không xung đột? Con người có những quyền cơ bản nào? Điều gì làm nên phẩm giá của con người?...

Vậy giá trị sống là gì: Giá trị sống (hay còn gọi là “giá trị cuộc sống", “giá trị của cuộc sống") là những điều mà một con người cho là tốt, là quan trọng, phải có cho bằng được. Vi thể, giá trị sống là cơ sở của hành động sống. Nó chi phối hành vi hướng thìện của con người. Thuật ngữ giá trị sống có thể quy chiểu vào những mối quan tâm, những thích thú, những cái ưa thích, những sở thích, những bốn phận, những trách nhiệm đòi thần, những ước muốn, những đòi hỏi, những nhu cầu, những ác cảm, những lôi cuốn và nhiều hình thái khác nữa của định hướng lựa chọn. Nói cách khác, giá trị sống có mặt trong thể giới rộng lớn và đa dạng của hành vi lựa chọn. Hành vi theo phản xạ không biểu hiện các giá trị sống hay sự đánh giá: từ cái nháy mắt bất thần tới phản xạ xương bánh chè hay bắt cứ quá trình sinh hoá nào trong cơ thể đều không tạo ra hành vi giá trị.

Theo nghĩa hẹp, giá trị sống là quan niệm về cái đáng mong muốn (desirable) ảnh hưởng tới hành vi lựa chọn. Theo định nghĩa này, có sự phân biệt giữa cái được mong muốn và cái đáng mong muốn. Định nghĩa này đuợc các ngành khoa học xã hội đánh giá cao, bởi nó loại trừ, chẳng hạn, những giá trị thuần tuý mang tính hướng lạc.

Theo nghĩa rộng, giá trị sống là bất cứ cái gì được xem là tốt hay xấu; Hoặc giá trị là điều quan tâm của một chủ thể nào đó. Con người không lãnh đạm với thể giới. Dù công khai hay ngán ngẩm, họ đều xem mọi sự vật, hiện tượng như những cái tốt hay xấu, thật hay giả, ...

**2. Chuẩn mực xã hội và quan hệ của chuẩn mực xã hội với giá trị sống:** Chuẩn mực chỉ những quy tắc chung về ứng xử xã hội có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận đuợc. Tất cả các xã hội đều có chuẩn mực, tuy chuẩn mục của mối xã hội có khác nhau, chẳng hạn, ở một số vùng nổng thổn Tây Phi, nếu một người lạ gõ của vào lúc nủa đêm thì chuẩn mục là phải mởi người lạ đó vào nhà và mởi người đó ăn, dọn cho cho người đó ngủ (cho dù có phải ngủ trên sàn nhà). Nhưng ở khu buổn bán ở LosAngeles, đáp lại lởi gõ của lúc giữa đêm lại là hành động bực tức, không tiếp, không niềm nở...

Chuẩn mực đề ra những nguyên tắc chỉ đạo có thể "chấp nhận được" hoặc ứng xủ thích đáng trong một tình huống có thể làm. Nó còn chứa đựng một khía cạnh về cái mọi người nên làm.

Các chuẩn mực không chỉ được áp dựng vào hành vi ứng xử. Ngay các xúc cảm cũng bị kiềm chế bởi các chuẩn mực. chẳng hạn, khi ta tự nhủ "Ta không nên tức giận như vậy", cho thấy rằng, chúng ta đang so sánh cảm xúc của Mình với một chuẩn mực nào đấy. ví dụ này cũng cho thấy, chuẩn mực cũng như những đặc trưng khác của văn hoá, đi vào nhận thức của chúng ta bằng những con đưởng rất tinh vi.

Các chuẩn mực có sức đan kết xã hội rất chặt chẽ, có thể nhận ra bốn loại chuẩn mực, phụ thuộc vào mức độ tuăn thủ mà chúng đòi hỏi; một là tập quán; hai là phong tực; ba là luật pháp; bốn là kiêng

**3.** **Phân loại giá trị sống.**

Các giá trị sống cốt lõi của nhân loại bao gồm: Hoà bình, tôn trọng, yêu thương, khoan dung, hạnh phức, trách nhiệm, hợp tác, khiêm tôn, trung thực, giản dị, tự do, đoàn kết. Trong đó, hoà bình, tự do là hai giá trị sống chung; khoan dung, khiêm tôn, giản dị, trung thực, yêu thương, hạnh phức là sáu giá trị thuộc phẩm cách của mối cá nhân; tôn trọng, hợp tác, đoàn kết, trách nhiệm là bốn giá trị quan hệ nên nhân cách.

GS. Phạm Minh Học đề xuất phương án xây dựng hệ giá trị chung cho người Việt Nam hiện nay bao gồm:

+ Các giá trị chung của loài người: Chăn, thìện, mĩ.

+ Các giá trị toàn cầu: Hoà bình, an ninh, hữu nghị, hợp tác, độc lập dân tộc, không xâm phạm chủ quyền.

+ Các giá trị dân tộc: Tinh thần dân tộc, yêu nước, Trách nhiệm cộng đồng.

+Các giá trị gia đình: Hoà thuận, hiểu thảo, coi trọng giáo dục gia đình.

+ Các giá trị của bản thân:

Trên nền tảng các giá trị chung này, các cơ quan, đơn vị hành chính, trường học... có thể dựng cho riêng mình những thang giá trị riêng, vận dựng vào việc định hướng giá trị, giáo dục giá trị cho đơn vị của mình.

Giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở cần chủ trọng tới những giá trị hướng tới các quan hệ tập thể, bản thân... Cũng cần lưu ý rằng, 5 Điều Bác Hồ dạy thiểu niên cũng thầm chứa những giá trị sống cơ bản dành cho thanh, thiểu niên hiện nay: yêu Tổ quổc, yêu đồng bào, học tập, lao động, đoàn kết, kĩ luật, vệ sinh...

**4.Ý nghĩa của giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS.**

**4.1.** **Nội dung và biểu hiện của hoà bình:**

Hoà bình là trạng thái yên tĩnh không có chiến tranh.

Hoà bình không chỉ là sự vắng bóng của chiến tranh. Hoà bình cần phải bắt nguồn từ mối người chúng ta. Thống qua việc suy ngẫm lặng lẽ và nghiêm túc về ý nghĩa của hoà bình, những cách thức mới mẻ và sáng tạo có thể đuợc phát hiện để nuôi dưỡng sự hiểu biết tình bạn và đòi thần hợp tác giữa các dân tộc. Hoà bình của thể giới chỉ có được khi mối cá nhân trong thể giới đó đều có được sự bình yên trong tâm hồn. Bình yên là trạng thái đòi thần điềm tĩnh, thư giãn, thanh thản cùng với sức mạnh của chân lí. Bình yên có được khi động cơ của tư tưởng, tình cảm, ước muốn trong sáng. Để sống trong bình yên cần có lòng trắc ẩn và sức mạnh từ nội tâm. Nên hoà bình của thể giới chỉ có thể duy trì trong một bầu không khí phi bạo lực, biết lắng nghe, có sự công bằng và đối thoại trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau.

**4. 2. Nội dung và biểu hiện của tôn trọng:**

Tôn trọng là sự coi trọng, quý mến, là việc tuân thủ, không coi thưởng.

Tôn trọng là nói về những phẩm chất của cá nhân. Bẩm sinh con người vổn là quý giá. Tôn trọng hìểu theo hai mối quan hệ. Quan hệ thứ nhất là đối với chính bản thân mình. Đó là sự nhận biết về những phẩm chất vốn có của mình, biết giá trị của bản thân, từ đó xây dựng sự tự tin, sống có nhân phẩm. Quan hệ thứ hai là đối với người khác, khi biết giá trị của bản thân thì sẽ biết giá trị của người khác, khi tôn trọng những phẩm chất vốn có của bản thân mình thì cũng phải tôn trọng người khác. Ngược lại, khi bản thân đã biết tôn trọng người khác thì cũng cần tôn trọng những giá trị, phẩm chất của chính mình. Nếu thiểu tôn trọng bản thân thì cũng dễ nhận được sự thiểu tôn trọng của người khác. Tự trọng phải gắn liền với trí tuệ và công bằng, chính trực, như đó con người mới biết đối xử tốt với người khác.

**4.3.Nội dung và biểu hiện của trách nhiệm:**

Trách nhiệm là điều phải làm, phải gánh vác hoặc phải nhận lấy về mình.

Trách nhiệm nói lên một đặc trưng của nhân cách trong việc thực hiện nghĩa vụ do xã hội đề ra. Nếu nghĩa vụ đặt ra cho con người vấn đề nhận thức và thực hiện những yêu cầu của xã hội, thì vấn đề trách nhiệm là ở chỗ con người hoàn thành và hoàn thành đển mức nào hoặc không hoàn thành những yêu cầu ấy. Trách nhiệm là sự tương xửng giữa hoạt động với nghĩa vụ, là hệ quả của tự do ý chí của con người, là đặc trưng cho hoạt động có ý thức của con người. Con người ngày càng nhận thức đuợc quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội. Khi năng lực chi phối tự nhiên, xã hội của con người lớn lên thì trách nhiệm của con người đối với hành vi của mình cũng lớn lên. Về mặt pháp lí, việc xem xét trách nhiệm cá nhân phải xuất phát từ sự thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ: Quyền lợi thưởng đi đôi với trách nhiệm, quyền càng rộng thì trách nhiệm càng lớn.

Trách nhiệm là chấp nhận những đòi hỏi và thực hiện nhiệm vụ với khả năng tốt nhất của mình. Người có trách nhiệm là người luôn thực hiện bốn phận đuợc giao đứng theo mục tiêu đề ra và tiến hành nhiệm vụ ấy với lòng chính trực, thiện chí và luôn **ý** thức về việc mình làm. Trách nhiệm không phải là điều gì đó rằng buộc với chúng ta, nhưng nó tạo điều kiện để ta có thể đạt đuợc những gì ta mong muốn, mọi người có thể thể hiện đòi thần trách nhiệm đối với toàn cầu bằng cách tôn trọng toàn thể nhân loại. Nếu chúng ta muốn được hoà bình thì trách nhiệm của chúng ta là phải sống bình yên. Nếu chúng ta muốn có một môi trường sống trong lành, chúng ta phải có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ thìên nhiên.

**4.4. Nội dung của sự hợp tác:**

Hợp tác là sự chung sức, trợ giúp qua lại với nhau.

Hợp tác là sự làm việc cùng nhau vì mục đích chung. Hợp tác cũng là sự chia sẻ, đôi khi ta đưa ra ý tưởng, nhưng cũng có lúc ta phải gác qua một bên ý tưởng của mình. Lúc này, ta giữ vai trở lãnh đạo, lúc khác, ta cũng cần tuăn theo. Để hợp tác, cần có sự trăn trọng giá trị và sự đóng góp của mối thành viên. Người có đòi thần hợp tác sẽ nhận được sự hợp tác. Hợp tác là sự sẵn sàng mang đển những điều tốt đẹp nhất đển với mọi người cũng như công việc. Hợp tác đối lập với bắt hợp tác.

**4.5.Tìm hiểu nội dung của sự tự do:**

Tự do là quyền sống và hoạt động xã hội theo ý nguyện của mình, không bị cấm đoán ràng buộc, xâm phạm.

Tự do chỉ khả năng biểu hiện ý chí, làm theo ý muốn con người, trên cơ sở nhận thức được quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội. Tự do là trạng thái một dân tộc, một xã hội và các thành viên không bị cấm đoán, hạn chế vô lí trong các hoạt động xã hội - chính trị như dưới các chế độ thực dân, chuyên chế, độc tài: đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc, các quyền tự do dân chủ. Con người chỉ thực sự được tự do khi các quyền được căn bằng với trách nhiệm, cho nên, tự do không có nghĩa là không có giới hạn. Tự do nội tâm là được giải phóng khói những nhầm lẫn và phức tạp trong trí tuệ. chỉ có thể trải nghiệm tự do nội tâm khi có những suy nghĩ tích cực về tất cả mọi người.

**4.6.Nội dung và biểu hiện của sự đoàn kết:**

Đoàn kết là thống nhất ý chí, không mâu thuẫn, chống đối nhau.

Đoàn kết là kết thành một khỏi thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung. Đoàn kết là sự hài hoà bên trong mọi người và giữa các cá nhân trong cùng một nhóm. Tình đoàn kết đuợc xây dựng từ thái độ vô vị lợi, bình đẳng và sự tôn trọng lẫn nhau. Đoàn kết mang đến tinh thần hợp tác, nâng cao lòng nhiệt tình đối với công việc và làm cho bầu không khí trở nên ấm áp, cả tập thể sẽ gắn bó bền chặt, theo đó hiệu quả công việc được nâng cao.

**Điểm tự xếp:9 điểm**

**Điểm tổ xếp:..................điểm**

**\*THCS 37:** Giáo dục vì sự phát triển bền vững ở trường THCS.

**1. Những thách thức đối với địa phương, quốc gia và toàn cãu.**

**1.1.Phát triển bền vững là vấn đề cấp bách, từ địa phương đến toàn cầu:**

-Sau một thời kì các nước trên thế giới thi đua công nghiệp hoá, khai thác tài nguyên, tìm kiếm thị trường, đã dẫn đến tình trạng tăng trưởng kinh tế và dân sổ quá nhanh, sản xuất không giới hạn và khai thác vô **ý** thức các tài nguyên dẫn đến ô nhìếm môi trường, môi sinh làm cạn kiệt nguồn dự trữ tài nguyên thiên nhiên trên thế giới, vào đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, vấn đề phát trển bền vững được đặt ra cho tất cả các quổc gia trên toàn thế giới.

-Từ thập kỉ cuối của thế kỉ XX, phát triển bền vững ngày càng được cả thế giới quan tâm. Nói tới phát triển kinh tế và phát triển xã hội, phát triển quổc gia hay phát triển địa phương, phát triển toàn cầu hoặc phát triển khu vực đều được hiểu theo nghĩa “phát triển bền vững".

-Phát triển bền vững là hướng đi mà Liên hợp quổc, chính phủ các quốc gia, các đoàn thể và công đoàn, các tổ chức phi chính phú, các tổ chức quần chúng... đã tán đồng và ủng hộ. Các nước phát triển cũng như các quổc gia đang phát triển đều chú trọng phát trển bền vững, soạn thảo các chương trình và kế hoạch kinh tế-xã hội đều theo hướng của sự phát triển bền vững.

**1.2.Một số thách thách thức trên thế giới về phát triển bền vững:**

* Hiện có hơn 6 tỉ người trên thế giới và 4,6 tỉ người sống trong các quổc gia đang phát triển của phương Nam.
* Trong sổ này, hơn 50 triệu người là mù chữ, một tỉ người không được dùng nước sạch và 2,4 tỉ người thiếu các điểu kiện vệ sinh cơ bản. Gần 325 triệu trẻ em không được đi học, 11 triệu trẻ em dưới 5 tuổi chết mỗi năm.
* Khoảng 1,2 tỉ người sổng dưới mức l$/ngày và 2,0 tỉ người sổng dưới mức 2$ /ngày.

***1.3. Tình hình thực hiện phát triền bền vững thời kì 2005 - 2010* cùa *Việt* Nam**

**Về kinh tế:**

* Kết quả: Tất cả các ngành, lĩnh vục của nền kinh tế đều có bước phát triển khá. Tổc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm ước đạt 7% (kế hoạch đề ra là 7,5 - 0%). GDP tính theo đầu người năm 2010 dự kiến đạt khoảng 1.162 USD, đưa nước ta ra khỏi nhóm nước đang phát triển có thu nhập thấp, chuyển dịch cơ cẩu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước tiếp tục đuợc quan tâm. Tất cả các vùng đều đạt và vượt mục tiêu về GDP bình quân đầu người và giảm tỉ lệ hộ nghèo so với kế hoạch đề ra.
* Hạn chế, tồn tại: chất lương và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp. Tăng trường kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, thiếu chiều sâu, đặc biệt trong lĩnh vực sử dụng tài nguyên không tái tạo. chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đồng đều và chưa phát huy thế mạnh trong từng ngành, từng vùng, từng sản phẩm. Năng suất lao động 3Quốc hội thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Sự tăng trưởng kinh tế còn dựa một phần quan trọng vào vốn vay bên ngoài.

**Về xã hội:**

* Kết quả: Các mặt xã hội như công tác xóa đói giảm nghèo, công tác dân sổ và bảo vệ chăm sóc sức khỏe người dân, giáo dục và tạo việc làm cho người lao động đều đạt được những thành tựu bước đầu đáng khích lệ. Công tác an sinh xã hội được đặc biệt coi trọng. Tính đến cuối năm 2010, tỉ lệ hộ nghièo dự kiến giảm còn dưới 10% (tương ứng với 1,7 triệu hộ nghèo).
* Hạn chế, tồn tại:Tình trạng tái nghèo ở mộtsố vùng khó khăn có chiều hướng gia tăng. Giải quyết việc làm chưa tạo được sự bức phá, chưa tạo được nhiều việc làm bền vững. Cơ cẩu dân sổ biến động mạnh, mất cân bằng giới tính khi sinh ngày càng nghiêm trọng. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều bất cập; sản xuất, quản lí và sử dụng thuốc chữa bệnh còn nhiều yếu kém, thiếu sót. Hệ thống giáo dục quổc dân chưa đồng bộ, chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước.

**Về tài nguyên và môi trường:**

* Ưu điểm: Hệ thống pháp luật về quản lí tài nguyên và bảo vệ môi trường đang được hoàn thiện theo hướng tiếp cận với các mục tiêu phát triển bền vững. Các nguồn lực cho công tác bảo vệ tài nguyên môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững đã và đang được tăng cường mạnh mẽ. Hợp tác quốc tế về tài nguyên và môi trường thu đuợc nhiều kết quả tốt. Tổc độ gia tăng ô nhiễm đã từng bước được hạn chế. chất luợng môi trường tại một sổ nơi, một sổ vùng đã đuợc cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sổng của người dân cũng như quá trình phát triển bền vững của đất nước.
* Hạn chế, tồn tại: Các vấn đề môi trường như ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí; suy giảm đa dạng sinh học; khai thác khoáng sản và quản lí chất thải rắn đang gia tăng, bức xúc trong nhân dân. Hệ thổng chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường còn chưa đồng bộ. Lực lượng cán bộ làm công tác quản lí nhà nước về tài nguyên và môi trường còn thiếu về sổ lượng, yếu về chất lượng. Nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ờ các cấp, các ngành và nhân dân chưa đầy đủ. Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lí tài nguyên vẫn đang diễn ra tương đối phổ biến.

*(Bảo cáo Tổng kết 5 năm thực hiện định hướng phát triển bền vữngViệt Nam-1/2011).*

**2.Khái niệm phát triển bền vững:**

-Phát triển bền vững là một khái niệm không giới hạn và vẫn còn thảo luận. Tuy nhiên, khái niệm này cũng có một số nguyên tắc căn bản, bao gồm:

* Tích hợp các chính sách và hoạt động của kinh tế với môi trường;
* Nguyên tắc phòng ngừa;
* Nhận thức những chiêu kích toàn cầu;
* Định giá trị môi trường;
* Bảo đảm công bằng giữa các thế hệ và ngay trong từng thế hệ;
* Bảo tồn sự toàn vẹn của sinh thái và đa dạng sinh học;
* Sự tham gia của toàn thể cộng đồng.
* Phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các bộ, ngành, địa phương các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mỗi người dân.
* Tạo lập điều kiện để mọi người, mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển; được tiếp cận những nguồn lực chung; được tham gia, đóng góp và hưởng lợi; tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hoá tổt đẹp cho những thế hệ mai sau. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, đặc biệt là loại tài nguyên không thể tái tạo; gìn giữ và cải thiện môi trường sống;
* Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực cho phát triển bền vững đất nước. Công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường cần được ưu tiên sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất.

**3.Giáo dục vì sự phát triển bền vững:**

**3.1.Giáo dục và phát triển:**

-Giáo dục là một nguồn sức mạnh cho tương lai. Giáo dục đóng vai trò chủ đạo thúc đẩy sự phát triển của mỗi quổc gia, đáp ứng những nhu cầu và nguyện vọng trong xã hội. Trong khi mối quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển bền vững còn trừu tương, thì giáo dục chính là chìa khoá khai thông tiềm năng của một quổc gia để phát triển và đạt được sự bền vững. Đặc biệt khi giáo dục trực tiếp giúp cải thiện năng suất nông nghiệp, cung cấp kỉ năng làm việc cho những ngành công nghiệp mới, cải thiện vị thế của phụ nữ trong xã hội, nó sẽ thúc đẩy nhiệm vụ bảo vệ môi trường, xây dựng năng lực cho việc ra quyết định đúng đắn và phù hợp với đạo đức và nâng cao chất lượng cuộc sổng cho mọi người.

-Giáo dục có thể đảm bảo rằng mọi công dân, từ trẻ em đến người già, có kiến thức về những thay đổi cần thiết, có khả năng xây dựng tầm nhìn về tương lai, có cam kết thực hiện dân chủ, có các kỉ năng cần thiết và có động lực để hành động tích cực nhằm tạo ra thay đổi. Đó chính là giáo dục vì sự phát triển bền vững.

-Giáo dục có vai trò quan trọng trong việc giúp người học hình thành hành vi và thái độ cần thiết cho phát triển bền vững, đồng thời có được năng lực và hành động cụ thể vì một xã hội bền vững cả về kinh tế, môi trường hoá; một lối sổng hài hoà với việc sử dụng bền vững và công bằng các nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên cũng như chuẩn bị cho cá nhân đổi phó với những khó khăn và thách thức, tăng cường khả năng thích nghi. Giáo dục còn dạy cho người học biết tôn trọng và bảo vệ môi trường, chấp nhận các phương thức sản xuất và các kiểu tiêu dùng lành mạnh,hài hoà giữa các nhu cầu cơ bản trục tiếp với các quền lợi dài hạn.

-Giáo dục giúp người học hiểu được bản thân mình và những người khác, hiểu được sợi dây gắn kết giữa con người với môi trường tự nhiên - xã hội rộng lớn, thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển.

-Giáo dục vì phát triển bền vững “mở ra cho tất cả mọi người cơ hội giáo dục, cho phép họ tiếp thu được các tri thức và giá trị cũng như học được các phương pháp hành động và phong cách sổng cần thiết cho một tương lai bền vững và sự thay đổi xã hội một cách tích cực" (UNESCO, 2005).

**3.2.Giáo dục vì sự phát triển bền vững:**

-Giáo dục vì phát triển bền vững là một quan điểm giáo dục nhằm tăng cường trách nhiệm của mọi người để tạo ra một tương lai bền vững. Giáo dục vì phát triển bền vững là dành cho mọi người, ở tất cả các lĩnh vực cuộc sổng và trong mọi hoàn cảnh giáo dục. Giáo dục vì sự phát triển bền vững liên kết sự tham gia của nhiều thành phần và các đổi tác liên quan bao gồm cả các cơ quan truyền thông, các thành phần tư nhân, áp dụng tất cả hình thái và phương pháp nâng cao nhận thức cộng đồng, giáo dục và đào tạo nhằm tăng cường một sự hiểu biết sâu sắc và rộng lớn hơn về phát triển bền vững.

-“Mục tiêu cuối cùng của Thập kỉ đó là giáo dục vì sự phát triển bền vững không chỉ là một khẩu hiệu. Nó phải là một thực tiễn cụ thể đối với tất cả chúng ta- mỗi cá nhân, tổ chức, chính phủ- trong tất cả các quyết định và hành động hằng ngày của chúng ta, với mục đích hứa hẹn một hành tinh bền vững và một thế giới an bình hơn cho con cái của chúng ta, cháu chắt của chúng ta và những thế hệ kế cận sau này'. Các nguyên tắc của phát triển bền vững phải có mặt trong trường học của trẻ em, trong giáo dục đại học và sau đại học, trong giáo dục không chính quy và trong các hoạt động học tâp dựa vào cộng đồng. Điều này có nghĩa là giáo dục sẽ phải thay đổi để có thể nêu lên và giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường mà chúng ta đang đối mặt trong thế kỉ XXI".

-Để đạt được những mục tiêunày, giáo dục vì sự phát triển bền vững phải kết hợp một sổ lĩnh vực như giáo dục về môi truửng, giáo dục toàn cầu, giáo dục kinh tế, giáo dục phát triển, giáo dục đa dạng văn hoá, giáo dục bảo tồn, giáo dục ngoài trời, giáo dục về sự thay đổi toàn cầu và các lĩnh vực khác. Giáo dục vì sự phát triển bền vững có phạm vi rất rộng và bao hàm nhiều khía cạnh các lĩnh vực đã được hình thành và rất bổ ích trên. Giáo dục vì sự phát triển bền vững hàm chứa nhiều nội dung từ các môn học truyền thống như giáo dục công dân, khoa học, địa lí và các môn khác".

Giáo viên và nhà trường có đóng góp đặc biệt cho giáo dục vì sự phát triển bền vững, đẩy mạnh các mục tiêugiáo dục thông qua việc lựa chọn các nội dung và phương pháp để dạy học sinh. Nội dung lựa chọn để dạy sẽ ảnh hướng đến kiến thức được tiếp thu của học sinh. Các phương pháp dạy - học sẽ quyết định sẽ phát triển các kỉ năng và thái độ của học sinh.

***3.3.Chiẽn lược thực hiện giáo dục vì sự phát triên bền vững***

* Chiến lược thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững thể hiện qua tầm nhìn, các mục tiêu và lĩnh vực cơ bản của giáo dục vì sự phát triển bềnvững:

-Tầm nhìn của giáo dục vì sự phát triển bền vững là hướng tới một thế giới mà ở đó tất cả mọi người đều có cơ hội được hưởng lợi từ giáo dục; học tập và các giá trị, hành vĩ, cách sổng đều tiến tới một tương lai bền vững.

- Tăng cường và nâng cao vai trò trung tâm của giáo dục và học tập trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- Xây dụng mạng lưới thúc đẩy các mối liên kết và trao đổi giữa các bên tham gia trong giáo dục vì phát triển bền vững.

- Tạo cơ hội môi truờng thuận lợi để kiến tạo và thúc đẩy tầm nhìn và bước chuyển tới một sự phát triển bền vững thông qua tất cả các phương thức học tập và nhận thức của cộng đồng.

- Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong giáo dục vì phát triển bền vững.

- Xây dựng chiến lược hành động ở tất cả các cầp nhằm mục đích vì sự phát triển bền vững.

***4.Tích hợp phát triển bền vững trong dạy học:***

***4.1.Các cách thức giáo dục vì sự phát triển bền vững:***

-Giáo dục phát triển bền vững không phải là một môn học chỉ cần thêm vào khung chương trình giảng dạy mà giáo dục phát triển bền vững là một khía cạnh cần được nhấn mạnh trong mọi lĩnh vực của học đường.

-Thông thường, khái niệm phát triển bền vững vẫn còn khá mơ hồ và xa lạ với thực tế. Trong khi đó, một trong các đặc điểm chính của giáo dục vì phát triển bền vững là “học tập qua trải nghiệm thực tế" và khuyến khích mọi người tự đưa ra các quyết định trong cuộc sổng để xây dựng một tương lai bền vững cho cá nhân, gia đình, cộng đồng có tính đến những lợi ích lâu dài về kinh tế, sinh thái, xã hội và văn hoá.

-Giáo dục vì phát triển bền vững thể hiện mối quan tâm của giáo dục chất lượng cao, bao gồm:Liên ngành, liên môn: Những nguyên lí và kiến thức về phát triển bền vững được thể hiện trong chương trình, sách giáo khoa của các môn học tự nhiên, xã hội và nghệ thuật chứ không hình thành một môn học riêng về phát triển bền vững.

-Thể hiện giá trị: chia sẽ các giá trị và nguyên lí phát triển bền vững.

-Tư duy sáng tạo và giải quyết tình huống có vấn đề: Tạo niềm tin trước những khó khăn và thách thức của phát triển bền vững.

* Đa dạng phương pháp: sử dụng nhiều phương pháp như ngôn từ, nghệ thuật, kịch, tranh luận, trao đổi kinh nghiệm... các phương pháp sư phạm khác nhau cho mô hình hoá các quá trình.
* Khả năng áp dung: Học tập kinh nghiệm được tích hợp trong cuộc sổng hằng ngày, trong cuộc sổng của mỗi con người, mọi hoạt động nghề nghiệp.
* Thích hợp với địa phương: Đáp ứng những vấn đề của từng địa phương, sử dụng những ngôn ngữ mà họ thường xuyên sử dụng.

***4.2Quá trình thực hiện giáo dục vì* sự *phát triền bền vững trong trường học***

-Giáo dục phát triển bền vững liên quan đến toàn bộ chương trình giảng dạy và việc quản lí tại một nhà trường. cần đảm bảo cả hai chương trình giảng dạy chính thức và không chính thức có thể kết hợp với nhau để thúc đẩy và hình thành nên nguyên tắc giáo dục phát triển bền vững.

-Việc này đòi hỏi việc lên kế hoạch cẩn thận cho các chính sách quy định trong trường học và sự phân chia rõ ràng trách nhiệm của mọi cán bộ. Trong hoạt động này', bạn sẽ tìm hiễu 3 giai đoạn để một trường học trở thành “trường học bền vững" theo Cơ quan chất lượng Giáo dục và chương trình giảng dạy của Anh (The Qưaliíìcation and CurriculumAuthority).

**Giai đoạn 1:** Nhà trường bắt đầu phát triển giáo dục phát triển bền vững: Ở giai đoạn này, trường học có thể phải tiến hành một hoặc hai dự án liên quan đến sự bền vững và đưa vào vài phần của chương trình giảng dạy chính thức. Tuy vậy, trườnghọc cần phải:

- Xem giáo dục phát triển bền vững như là một phần của kế hoạch toàn trường.

- Xây dựng chính sách giáo dục phát triển bền vững.

- Bổ nhiệm một cán bộ chịu trách nhiệm cho giáo dục phát triển bền vững.

**Giai đoạn 2:** Trường học đẩy mạnh giáo dục phát triển bền vững: Ở giai đoạn này, trường học cần phải hoàn thành một số dự án liên quan đến sự bền vững và bắt đầu xác định các cơ hội rộng lớn hơn trong chương trình giảng dạy chính thức. Nhà trường có thể hoàn thành một đến hai việc trong danh sách dưới đây:

- Đã xem giáo dục phát triển bền vững như là một phần của kế hoạch toàn trường.

- Đã xây dựng chính sách giáo dục phát triển bền vững.

- Đã bổ nhiệm một cán bộ chịu trách nhiệm cho giáo dục phát triển bền vững.

**Giai đoạn 3:** Trường học có kinh nghiệm thành công trong giáo dục pháttriển bền vững và muốn tiếp tục thực hiện. Ở giai đoạn này, trường học có thể đã thực hiện các việc sau:

- Đã xây dụng chính sách giáo dục phát triển bền vững.

- Đã bổ nhiệm một cán bộ chịu trách nhiệm cho giáo dục phát triển bền vững .

- Đã phát triển các kế hoạch chính thức và có đội hành động cho giáo dục phát triển bền vững.

- Đã rà soát đánh giá chương trình giảng dạy cho giáo dục phát triển bền vững và quyết định sẽ tiếp tục hoàn thiện và cập nhât thực tế.

Giáo viên nghiên cứu một sổ ví dụ về trường học ở các giai đoạn 1, 2 và 3 để thúc đẩy giáo dục phát triển bền vững. Mỗi trường hợp nghiên cứu miêu tả cách một trường học tiếp cận chính sách, quy định và triển khai thực tế việc giáo dục phát triển bền vững; cách mà trường học đó đã trở thành bền vững; các vấn đề nảy sinh và cách nhà trường đã vượt qua các khỏ khăn, bài học kinh nghiệm, các kết quả và kế hoạch cho tương lai.

**Điểm tự xếp:9.điểm**

**Điểm tổ xếp:..................điểm**

**Điểm tự xếp nội dung 3:** 9 **điểm**

**Điểm tổ xếp nội dung 3:**..................**điểm**